

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ KHCHN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT
TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
ĐẾN NĂM 2030

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH PHẦN KINH PHÍ
CỦA ĐỊA PHƯƠNG NHIỆM VỤ KHCHN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030**

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ: *Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Tôm của tỉnh Bình Thuận.*

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia:
- Dự án KH&CN:
- Độc lập:
- Khác:

2. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sở hữu Công nghiệp INVESTIP (TP. Hà Nội).

3. Chủ trì nhiệm vụ: Nguyễn Anh Ngọc.

4. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm: Hội trường Sở KH&CN

- Thời gian: 14 giờ 00 phút ngày 26/4/2022

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên Tổ thẩm định: 7/7; vắng: 0

6. Đại biểu tham dự:

- Ông Nguyễn Khắc Phi – Chi nhánh Công ty Cổ phần Sở hữu Công nghiệp INVESTIP (TP. Hà Nội).

- Bà Võ Thị Minh Lý – Chi nhánh Công ty Cổ phần Sở hữu Công nghiệp INVESTIP (TP. Hà Nội), thành viên dự án.

2. Kết luận của Tổ thẩm định:

Căn cứ Quyết định 3330/QĐ-BKHCHN ngày 21/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc chương

trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2022. Trong đó, kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương đối ứng 196.000.000đ.

Trên cơ sở phê duyệt của Bộ Khoa học và Công nghệ, các thành viên tổ thẩm định đã tiến hành thảo luận; chất vấn từng nội dung, mức chi và thống nhất dự kiến phần kinh phí đối ứng của địa phương để triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí đối ứng của từ ngân sách địa phương			Ghi chú
		Tổng kinh phí	Khoản chi	Không khoản chi	
1	Chi phí mua mẫu	14.500.000		14.500.000	
2	Tem truy xuất nguồn gốc (Loại vòng đeo tích hợp mã Qr-code)	14.000.000		14.000.000	
3	Tem truy xuất nguồn gốc (Loại tem tích hợp mã Qr-code)	2.100.000		2.100.000	
4	Thiết kế bộ nhận diện sản phẩm CDĐL tôm Bình Thuận: Nhãn, túi nilon, hộp giấy, tờ rơi, standee, biển hiệu, sổ tay	45.000.000		45.000.000	
5	Xây dựng phóng sự phát sóng trên phương tiện truyền thông	90.000.000		90.000.000	
6	Tổ chức hội nghị công bố chỉ dẫn địa lý “Bình Thuận” cho sản phẩm tôm thẻ chân trắng của tỉnh Bình Thuận	30.400.000	30.400.000		
	Tổng cộng	196.000.000	30.400.000	165.600.000	

(Các nội dung chi cụ thể: Phụ lục dự toán kinh phí kèm theo biên bản họp)

Như vậy, tổng kinh phí đối ứng của địa phương đề nghị UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ là 196.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng) trong tổng kinh phí 3.184.450.000 đồng.

C. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

- Phương thức khoán chi:

+ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng:

+ Khoán chi từng phần:

- Kinh phí ngân sách nhà nước phần đối ứng của địa phương khoán:
30.400.000 đồng;

- Kinh phí ngân sách nhà nước phần đối ứng của địa phương không khoán:
165.600.000 đồng.

Tổ thẩm định đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt chi tiết dự toán kinh phí đối ứng của địa phương để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Biên bản được lập xong lúc 17 giờ 00 phút ngày 26/4/2022 và đã được Tổ thẩm định thống nhất thông qua./.

Tổ trưởng



Văn Công Thới

Thư ký

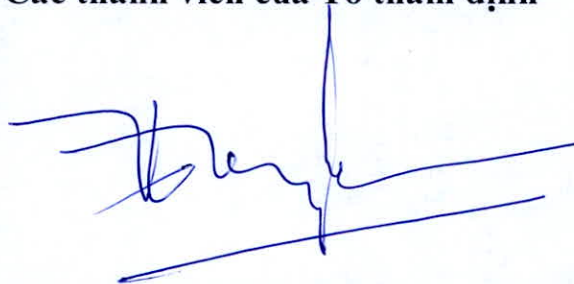


Phạm Kiều Diễm

Các thành viên của Tổ thẩm định



Bùi Thị Hồng Thủy



Nguyễn Hoài Trung



Nguyễn Nhất Bảo Quốc



Trần Thị Đàm



Trần Quốc Thông

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG
(GỒM KINH PHÍ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÌNH THUẬN VÀ ĐÓNG GÓP CỦA HIỆP HỘI / DOANH NGHIỆP)

Đơn giá: Triệu Đồng

ST T	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						Căn cứ áp dụng	
						NSTU'			NSDP				Khác (Đóng góp của doanh nghiệp)
						Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Tổng	Khoán chi	Không khoán chi		
1,4	Công việc 4: Khảo sát lấy mẫu tôm thẻ chân trắng giống và tôm thẻ chân trắng thương phẩm và các điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến chất lượng.				14,500				14,500		14,500		
+	Chi phí mua mẫu				14,500				14,500		14,500		Giá thực tế
	Mua mẫu tôm giống thẻ chân trắng phân tích đánh giá chất lượng (200 con/1 mẫu)	mẫu	50	0,090	4,500				4,500		4,500		Giá thực tế
	Mua mẫu tôm thẻ chân trắng nguyên con phân tích đánh giá chất lượng (1 kg/1 mẫu)	mẫu	50	0,200	10,000				10,000		10,000		Giá thực tế
II	NỘI DUNG 2: XÂY DỰNG CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CHO SẢN PHẨM TÔM THẺ CHÂN TRẮNG CỦA BÌNH THUẬN				204,100				151,100		151,100	53,000	
2,3	Công việc 3: Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu vùng nuôi tôm và công cụ quản lý truy suất nguồn gốc sản phẩm Tôm Bình Thuận.				16,100				16,100	0,000	16,100		
+	Tem truy xuất nguồn gốc (Loại vòng đeo tích hợp mã Qr-code)	cái	3.500	0,004	14,000				14,000		14,000		Giá thực tế
+	Tem truy xuất nguồn gốc (Loại tem tích hợp mã Qr-code)	cái	3.500	0,000600	2,1000				2,100		2,100		Giá thực tế
2,4	Công việc 4. Xây dựng hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá truyền thông, giới thiệu sản phẩm tôm thẻ chân trắng của Bình Thuận				188,000				135,000	0,000	135,000	53,000	

+	Thiết kế bộ nhận diện sản phẩm CDDĐL tôm Bình Thuận: Nhân, túi nilon, hộp giấy, tờ rơi, standee, biển hiệu, sổ tay	Trọn gói	1	45,000	45,000			45,000		45,000		Báo giá thực tế
+	In ấn công cụ nhận diện CDDĐL				43,000						43,000	
	Tờ rơi	Tờ	2.000	0,010	20,000						20,000	Báo giá thực tế
	Standee	Standee	5	0,600	3,000						3,000	Báo giá thực tế
	In ấn sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng CDDĐL	Cuốn	200	0,100	20,000						20,000	Báo giá thực tế
+	Đăng báo giới thiệu về sản phẩm	bài	2	5,000	10,000						10,000	Báo giá thực tế
+	Xây dựng phòng sự phát sóng trên phương tiện truyền thông	Phóng sự	1	90,000	90,000			90,000		90,000		Báo giá thực tế
IV	NỘI DUNG 4: Thiết lập mô hình quản lý CDDĐL gắn với quản lý chất lượng, nguồn gốc sản phẩm được vận hành trên thực tế. Báo cáo kết quả xây dựng và chuyển giao mô hình cho sản phẩm tôm thẻ chân trắng của tỉnh Bình Thuận				30,400			30,400	30,400			
4,5	Công việc 5: Tổ chức hội nghị công bố chỉ dẫn địa lý “Bình Thuận” cho sản phẩm tôm thẻ chân trắng của tỉnh Bình Thuận				30,400			30,400	30,400			NQ 30/2017/NQ- HĐND
	Giảng viên báo cáo	Người	1	0,600	0,600			0,600	0,600			
	Đại biểu tham dự (không hưởng lương từ ngân sách)	Người	60	0,075	4,500			4,500	4,500			
	Nước uống cho đại biểu	Người	100	0,020	2,000			2,000	2,000			

Tài liệu	Bộ	100	0,030	3,000				3,000	3,000			
Thuê và trang trí hội trường, khánh tiết, loa đài, biểu ngữ	Hội nghị	1	7,000	7,000				7,000	7,000			
Vé bay Hà Nội - TP. HCM - Hà Nội (1 người x 2 vé)	Vé	2	3,000	6,000				6,000	6,000			
Thuê xe đi Tp. HCM - Bình Thuận và về Bình Thuận - Tp. HCM - cho thành viên đi tổ chức hội nghị	chuyến	1	5,200	5,200				5,200	5,200			Báo giá thực tế
Tiền trợ cho thành viên (1 ngày x 3 người)	Ngày	3	0,300	0,900				0,900	0,900			
Công tác phí cho thành viên đi tổ chức hội nghị (3 người x 2 ngày)	ngày	6	0,200	1,200				1,200	1,200			
TỔNG				249,000				196,000	30,400	165,600	53,000	